

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 10-01-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Ngoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 1, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: 6/3 đường 868, khu phố 1, p4, Tx. CL, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** 1. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1968. (vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị Đoan T, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 3, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2021 và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T (Ủy quyền cho bà Tạ Kim T) trình bày:* Ngày 06/6/2020, bà Nguyễn Thị Ánh T có cho vợ chồng ông Trần Ngọc H – bà Đỗ Thị Đoan T vay số tiền 410.000.000đ, lãi suất vay 0%, thời hạn vay không xác định, khi nhận tiền

ông H - bà T có viết biên nhận để làm tin, tuy nhiên đến hạn ông H - bà T không trả tiền và cố tình lánh mặt.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H và bà T cùng trả cho bà số tiền vốn vay 410.000.000đ, và tính lãi suất theo luật định.

*Bị đơn ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản bác.*

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì nguyên đơn có cung cấp chứng cứ là tờ biên nhận tiền (Bản chính) có chữ ký của ông H, bà T khi nhận tiền. Riêng đối với ông H và bà T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do xem như đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện bị đơn ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, ông H-bà T có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Xét thấy, bà Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T đòi ông H và bà T trả số tiền vốn vay 410.000.000đ có cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 06/6/2020 để chứng minh, tờ biên nhận tiền này là bản chính và có chữ ký của ông Trần Ngọc H, bà Đỗ Thị Đoan T nên phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về chứng cứ. Đối với ông H và bà T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông, bà đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì xem như ông, bà từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và mặc nhiên thừa nhận nợ của bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lãi suất: Xét thấy hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với ông Trần Ngọc H-bà Đỗ Thị Đoan T không có thỏa thuận lãi suất, do vậy khi đến

hạn ông H và bà T không trả thì có nghĩa vụ trả tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vốn vay: 410.000.000đ x 10%/năm x 19 tháng 01 ngày (Từ ngày 06/6/2020 đến ngày 07/01/2022) = 65.024.500đ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T. Buộc ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền vốn vay 410.000.000đ và tiền lãi 65.024.500đ. Cộng chung là **475.024.500đ**.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T phải cùng chịu 23.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T 10.250.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000128 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2021/QĐ-BPKCTT ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHA DS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Ngoan**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 07 tháng 01 năm 2022

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Hiền  
- Ông Huỳnh Văn Hoàn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 153/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 1, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: 6/3 đường 868, khu phố 1, phường 4 thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: 1. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị Đoan T, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã CS, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật<sup>(8)</sup>.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU<sup>(9)</sup>**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T. Buộc ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền vốn vay 410.000.000đ và tiền lãi 65.024.500đ. Cộng chung là **475.024.500đ**.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Ông Trần Ngọc H và bà Đỗ Thị Đoan T phải cùng chịu 23.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T 10.250.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000128 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2021/QĐ-BPKCTT ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật*

*Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Kết quả biểu quyết 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi      giờ      phút, ngày 07 tháng 01 năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên  
Hội đồng xét xử<sup>(10)</sup>**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**